

## QUỸ ETF SSIAM VNX50

Số/No.: 422/2025/TB-SSIAM-NVQ

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH  
HOÁN ĐỔIANNOUNCEMENT  
AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

To: State Securities Commission of Vietnam, Vietnam Exchange, HoChiMinh Stock Exchange

- Tên CTQLQ/Fund Management company: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI/SSI Asset Management Company Limited

- Tên Ngân hàng giám sát/Supervisory Bank: Ngân hàng BIDV

- Tên quỹ ETF/ETF name: QUỸ ETF SSIAM VNX50

- Mã chứng khoán/Securities symbol: FUESSV50

- Ngày giao dịch hoán đổi/Exchange date: 17/03/2025

- Đơn vị tính lô ETF/Unit: 1 lô ETF tương đương 100 000 chứng chỉ quỹ ETF

Unit: 1 ETF Creation Unit = 100,000 ETF certificates

Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of Component Securities and Cash Component:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities symbol	Volume	Weighting
I	Chứng khoán/Stock		
1	ACB	4.400	5,54%
2	CTG	800	1,64%
3	DCM	100	0,16%
4	DGC	200	1,04%
5	DIG	500	0,50%
6	DPM	100	0,17%
7	EIB	1.700	1,66%
8	FPT	1.300	8,28%
9	FRT	100	0,87%
10	GEX	700	0,76%
11	GMD	300	0,84%
12	HCM	300	0,46%
13	HDB	2.900	3,26%
14	HPG	3.900	5,21%
15	HSG	500	0,45%
16	HUT	300	0,24%
17	IDC	200	0,53%
18	KBC	600	0,85%
19	KDC	100	0,27%
20	KDH	600	0,93%
21	LPB	3.100	5,25%
22	MBB	3.700	4,36%
23	MSB	2.600	1,46%



STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities symbol	Volume	Weighting
I	Chứng khoán/Stock		
24	MSN	800	2,76%
25	MWG	1.300	3,87%
26	NLG	300	0,49%
27	PDR	400	0,39%
28	PNJ	300	1,27%
29	POW	600	0,35%
30	PVD	300	0,34%
31	PVS	200	0,31%
32	SHB	3.800	1,97%
33	SHS	800	0,58%
34	SSB	2.200	2,11%
35	SSI	1.500	1,96%
36	STB	2.100	3,95%
37	TCB	5.100	6,75%
38	TPB	1.400	1,09%
39	VCB	1.000	3,20%
40	VCG	300	0,30%
41	VCI	400	0,75%
42	VHM	1.100	2,55%
43	VIB	2.100	2,07%
44	VIC	1.200	3,04%
45	VJC	300	1,43%
46	VND	1.200	0,87%
47	VNM	900	2,71%
48	VPB	4.800	4,56%
49	VPI	100	0,27%
50	VRE	1.000	0,91%
<b>II</b>	<b>Tiền/Cash(VND)</b>	<b>90.571.979</b>	

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ Difference between the value of securities basket and the offering price of an ETF Creation Unit as follow:

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Value of component securities basket: (VND)	<b>1.973.020.000</b>
+ Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per ETF Creation Unit: (VND)	<b>2.063.591.979</b>
+ Giá trị chênh lệch/Cash component: (VND)	<b>90.571.979</b>

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the difference:

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ For creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer the difference into the Fund's account

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ For redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive the difference from the Fund after subtracting tax and redemption fee

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/In case stock can be replaced by cash, (if any, state clearly the reason):

STT	Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu	Đối tượng áp dụng	Lý do
No.	Securities code	Substitution cash per share (VND)	Applied to	Reason
1	ACB	26.000	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
2	MBB	24.300	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
3	PNJ	87.400	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
4	SSI	26.950	SSI	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading
5	TCB	27.300	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
6	VCB	66.000	VCBS	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 28.4 a Thông tư 121/2020/TT-BTC/ Restriction of ownership by Article 28.4 a Circular 121/2020/TT-BTC
7	VCI	38.900	VIETCAP	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading
8	VIB	20.350	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
9	VND	14.950	VNDS	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading



Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This Period (*) 17/03/2025	Kỳ trước/Last Period(**) 14/03/2025	Chênh lệch/ Difference
1.Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	0,00	0,00	0,00
2.Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0,00	0,00	0,00
3.Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Issued shares	6.400.000,00	6.400.000,00	0,00
4.Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Closing price	20.940,00	20.740,00	200,00
5.Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net Asset Value at Valuation Date			
của quỹ ETF/ of the Fund	132.069.886.712,00	132.323.736.279,00	-253.849.567,00
của 1 lô CCQ ETF/ per ETF Creation Unit	2.063.591.979,00	2.067.558.379,00	-3.966.400,00
của 1 CCQ/ per Share	20.635,91	20.675,58	-39,67
6.Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	2.353,35	2.337,30	16,05

(\*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 16/03/2025

(\*\*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 13/03/2025

Đại diện tổ chức  
Organization representative



*Tô Thùy Linh*  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC